

UBND TỈNH LAI CHÂU
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /VPUBND-HCQT

Lai Châu, ngày tháng 9 năm 2025

V/v đề nghị cung cấp báo giá thuê
dịch vụ CNTT Hệ thống thông tin giải
quyết thủ tục hành chính

Kính gửi:

Văn phòng UBND tỉnh Lai Châu có nhu cầu tham khảo giá thuê dịch vụ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ xây dựng dự toán thuê dịch vụ, chi tiết thông tin về yêu cầu phạm vi nhiệm vụ cần cung cấp và yêu cầu các dịch vụ tư vấn tại *Phụ lục* đính kèm thư mời báo giá này.

Đề nghị các đơn vị chuyên cung cấp dịch vụ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính quan tâm và có khả năng đáp ứng các yêu cầu của gói thầu, nghiên cứu phạm vi cung cấp, tiêu chuẩn kỹ thuật của gói thầu dịch vụ, gửi báo giá để đơn vị có căn cứ thực hiện các công việc tiếp theo theo quy định.

- Địa điểm tiếp nhận báo giá: Văn phòng UBND tỉnh Lai Châu, địa chỉ: Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

- Số điện thoại liên hệ: 02133.876.532.

- Email liên hệ: nguyenthanggihanglc@gmail.com.

- Hình thức nhận báo giá: Trực tiếp tại trụ sở đơn vị hoặc qua đường bưu điện hoặc qua email.

- Thời gian nhận báo giá: 10 ngày kể từ ngày đăng tải thư mời báo giá.

- Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

Văn phòng UBND tỉnh Lai Châu rất mong nhận được sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- V;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu;
- Lưu: VT, HCQT.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Hoàng Minh Hải

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ PHẠM VI CUNG CẤP NHIỆM VỤ CẦN CUNG CẤP
VÀ YÊU CẦU CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN

(Kèm theo Thư mời số /VPUBND-HCQT ngày /9/2025 của Văn phòng UBND tỉnh)

I. Thông tin chung về nhiệm vụ

1. Tên nhiệm vụ

Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống phục vụ chỉ đạo, điều hành và kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của chính phủ, thủ tướng chính phủ giai đoạn 2026 – 2030

2. Chủ đầu tư

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu tổng quát

(1) Hỗ trợ đo lường, thiết lập cơ chế theo dõi, giám sát liên tục; đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện các chính sách, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước tại bộ, ngành, địa phương; nâng cao năng lực phát hiện sớm và phản ứng nhanh chóng, kịp thời trước các biến động bất thường.

(2) Tăng cường tính công khai, minh bạch trong cung cấp thông tin và thực thi chính sách của các cơ quan; nâng cao trách nhiệm giải trình trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức; nắm bắt chính xác, kịp thời xu hướng để phục vụ, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành linh hoạt của các bộ, ngành, địa phương.

(3) Nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành từ thủ công, giấy tờ truyền thống sang chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu (*bằng chứng*) theo thời gian thực, từng bước hiện đại hóa nền hành chính quốc gia;

(4) Thiết lập Bộ chỉ số chỉ đạo điều hành trên môi trường số, trên cơ sở dữ liệu liên thông, kết nối và chia sẻ dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của CP, TTgCP. Bộ chỉ số được thu thập theo thời gian thực, liên tục, không chồng chéo với các hệ thống giám sát, đánh giá hiện hành.

3.2. Mục tiêu cụ thể

(1) Hình thành hệ thống thông tin phục vụ, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành các vấn đề trọng tâm, cấp bách của CP, TTgCP; các bộ, ngành và địa phương theo chức năng quản lý nhà nước, xã hội, tài nguyên, môi trường, phúc lợi...

(2) Từng bước hình thành kho dữ liệu tổng hợp, đa chiều về KTXH đáp ứng nhu cầu thông tin, dữ liệu kịp thời, chính xác phục vụ chỉ đạo, điều hành hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng của CP, TTgCP, lãnh đạo bộ, ngành và địa phương;

(3) Khai thác, chia sẻ, tái sử dụng các thông tin, dữ liệu sẵn có của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước để phát huy tối đa giá trị của tài nguyên dữ liệu, tiến tới giảm gánh nặng thực hiện các chế độ báo cáo không cần thiết hoặc các báo cáo có thể lấy thông tin, dữ liệu trực tiếp từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

3.3. Nguyên tắc xác định chỉ số phục vụ chỉ đạo điều hành

Theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 137/2024/NĐ-CP, khi xác định các chỉ số phục vụ chỉ đạo điều hành, cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

(1) Phản ánh chính xác chỉ tiêu, mục tiêu của các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển KTXH; chương trình mục tiêu quốc gia, dự án, công trình trọng điểm quốc gia; nhiệm vụ CP, TTgCP giao và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước;

(2) Thông tin, dữ liệu của các chỉ số được cập nhật thường xuyên bảo đảm nguyên tắc thu thập từ một đầu mối theo chức năng quản lý nhà nước; kế thừa, sử dụng tối đa thông tin, dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu sẵn có; kết nối, chia sẻ, tái sử dụng thông nhất từ trung ương đến địa phương;

(3) Chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành phải kết hợp chặt chẽ với thông tin, dữ liệu thống kê và các chế độ báo cáo khác để phản ánh được đầy đủ, chính xác tình hình của vấn đề hoặc lĩnh vực mà chúng được sử dụng để giám sát và đánh giá;

(4) Mỗi chỉ số được thiết kế nhằm đo lường tiến trình và kết quả, hiệu quả thực hiện công việc được phân công của cơ quan, tổ chức, cá nhân; phải có phương pháp tính, đơn vị đo lường; xác định rõ ràng các thuộc tính, phân tổ chủ yếu, kỳ dữ liệu, nguồn dữ liệu và khả năng so sánh.

Bên cạnh các nguyên tắc khung đã được quy định tại 137/2024/NĐ-CP, khi xác định chỉ số phục vụ chỉ đạo điều hành cấp bộ, ngành và địa phương, các cơ quan cần lưu ý một số nguyên tắc thực hành sau đây:

(1) Tính chủ động: Nguyên tắc này nhấn mạnh sự chuyển đổi từ vai trò thu thập dữ liệu thụ động sang khai thác dữ liệu một cách có mục đích, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, ngành, địa phương, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo và điều hành. Điều này đòi hỏi các đơn vị không chỉ tập trung vào việc thu thập và thống kê dữ liệu mà còn phải chủ động phân tích dữ liệu và đánh giá thông tin từ phân tích dữ liệu để đưa ra các quyết

định kịp thời, đồng thời đề xuất kết nối, chia sẻ tích hợp dữ liệu với các cơ quan khác để đảm bảo nhu cầu thông tin dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành thuộc phạm vi quản lý.

(2) Tính đặc thù: Nguyên tắc này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc điều chỉnh các chỉ số theo bối cảnh đặc thù của địa phương và lĩnh vực chuyên môn. Mỗi bộ, ngành, địa phương sẽ có những đặc điểm riêng về kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường, tính chất nghiệp vụ khác nhau của công tác quản lý nhà nước theo ngành và năng lực quản lý nguồn lực khác nhau. Vì vậy, các chỉ số cần được thiết kế sáng tạo, phản ánh chính xác tình hình thực tế và đáp ứng nhu cầu cụ thể của từng cơ quan, khu vực. Tránh việc sử dụng một bộ chỉ số thiết kế sẵn và áp dụng cho tất cả các bộ, ngành, địa phương.

(3) Tính linh hoạt: Chỉ số chỉ đạo điều hành nhằm theo dõi các hoạt động theo chức năng nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan có tính ổn định tương đối, nhưng chỉ số theo dõi việc ban hành và thực hiện chính sách thì sẽ gắn liền với đời sống của chính sách. Do đó, khi chính sách mới ban hành hoặc có vấn đề khẩn cấp mới phát sinh cần giải quyết thì sẽ xuất hiện chỉ số mới. Ngược lại, khi chính sách đã hết hiệu lực hoặc vấn đề khẩn cấp đã trôi qua thì sẽ loại bỏ những chỉ số không cần thiết; chủ động nghiên cứu, ban hành những chỉ số mới phù hợp với tình hình thực tế.

(4) Tính cốt lõi: Một bộ chỉ số “cốt lõi” có nghĩa là khi xác định bộ chỉ số chỉ đạo điều hành, cần có sự cân nhắc kỹ lưỡng trong việc lựa chọn bộ chỉ số với số lượng bảo đảm để phục vụ cho mục tiêu, tính chất trong chỉ đạo và điều hành. Việc sử dụng quá nhiều chỉ số có thể dẫn đến tình trạng nhiễu thông tin, làm giảm tính khả thi trong việc phân tích và đưa ra quyết định. Hơn nữa, nếu bộ chỉ số quá chi tiết, có thể dẫn đến việc quản lý vi mô, làm hạn chế khả năng tự chủ và sáng tạo của các cấp dưới. Điều này không chỉ gây ra sự dư thừa trong công việc mà còn không đảm bảo được trách nhiệm giải trình, gây khó khăn trong việc đánh giá hiệu quả thực hiện. Do đó, cần xác định các chỉ số then chốt, có tính đại diện để phản ánh rõ ràng trạng thái và hiệu quả hoạt động ở cấp tổng thể điều hành chung, mà không làm phân tán nguồn lực và sự chú ý.

Tính “Cốt lõi” cũng yêu cầu trong khi lựa chọn chỉ số, các bộ ngành và tỉnh, thành phố cần đảm bảo ít nhất là cung cấp được đầy đủ thông tin, dữ liệu về chỉ số thuộc trách nhiệm báo cáo của cơ quan mình đáp ứng yêu cầu chỉ đạo điều hành của CP, TTgCP (như đã quy định ở Phụ lục II của Quyết định 1012).

(5) Tính hài hòa: Phải đảm bảo tính "hài hòa" giữa việc sử dụng các chỉ số tuyệt đối và tăng cường sử dụng chỉ số tương đối, chỉ số dẫn xuất. Điều này đòi hỏi khi xác định các chỉ số chỉ đạo điều hành, cần phân biệt rõ ràng giữa chỉ số tuyệt đối (*đo lường giá trị các biến bằng các con số tuyệt đối như tấn gạo, số km đường bộ, số người thụ hưởng chính sách...*) và chỉ số tương đối (*đo lường các đại lượng thể hiện mối quan hệ giữa các biến như tỉ lệ học sinh nhập học đúng độ tuổi, tốc độ tăng trưởng, tỉ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trong GRDP của tỉnh, thành phố...*). Ở cấp điều hành vĩ mô của lãnh đạo bộ, ngành và

các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nên ưu tiên lựa chọn các chỉ số tương đối vì những lý do sau:

- Chỉ số này phản ánh được mối quan hệ giữa các biến và giúp đánh giá hiệu quả hoạt động trong một bối cảnh rộng hơn, có tính chất đa ngành, liên cơ quan nhiều hơn. Đây là những vấn đề mà chỉ có lãnh đạo điều hành cấp cao có thể theo dõi được, trong khi các đơn vị cấp dưới tập trung vào các nhiệm vụ chuyên môn hẹp, ít có tính liên ngành.

- Hạn chế tình trạng "lấn sân" vào công việc của các đơn vị cấp dưới, vì như ý trên đã nêu, các đơn vị cấp dưới thường dựa nhiều vào các chỉ số tuyệt đối, nên bằng cách sử dụng các chỉ số tương đối và liên ngành, lãnh đạo có cơ hội đối chiếu, so sánh sự phối hợp giữa các đơn vị trong nội bộ cơ quan cũng như so sánh được với các bộ, ngành và địa phương khác.

- Chỉ số tương đối cung cấp cái nhìn toàn diện hơn về kết quả thực hiện chính sách, chương trình, đề án và kế hoạch (*về bản chất, việc thực hiện các chính sách này đều chịu tác động tương hỗ từ nhiều yếu tố khác nhau*), từ đó hỗ trợ trong việc điều chỉnh và quyết định một cách kịp thời và hiệu quả.

3.4. Nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình:

- + Hỗ trợ ra quyết định tức thời: Chuyển từ điều hành dựa trên báo cáo giấy sang điều hành trực quan trên bản đồ số, nắm bắt ngay diễn biến, quy mô, điểm nóng của sự cố

- + Tối ưu hóa điều phối nguồn lực: Xác định chính xác vị trí, trạng thái lực lượng, phương tiện, vật tư để điều động nhanh chóng, hiệu quả

- + Nâng cao dự báo và cảnh báo sớm: Tích hợp hệ thống chuyên ngành, mô hình dự báo thiên tai, dịch bệnh, sự cố để chủ động ứng phó

- + Tăng cường hợp tác quốc tế: Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu, tiếp nhận và điều phối hỗ trợ từ các quốc gia, tổ chức quốc tế minh bạch, nhanh chóng

- + Hình thành kho dữ liệu tổng hợp, đa chiều về kinh tế – xã hội, phục vụ chỉ đạo điều hành hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng của Chính phủ, Thủ tướng.

- + Giảm gánh nặng chế độ báo cáo: Tái sử dụng dữ liệu sẵn có từ các cơ quan, hạn chế báo cáo trùng lặp, không cần thiết

- + Đổi mới phương thức điều hành: Từ thủ công sang điều hành dựa trên dữ liệu thời gian thực, hiện đại hóa nền hành chính

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống cấp trên và cấp tỉnh:

- + Liên thông, tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ, bảo đảm chế độ báo cáo điện tử, chuẩn hóa về biểu mẫu và định dạng dữ liệu.

- + Kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh, phục vụ công tác giám sát, phân tích, điều hành trên phạm vi toàn tỉnh, hỗ trợ xây dựng chính quyền số.

3. Quy mô dịch vụ

- Văn phòng UBND tỉnh: Là cơ quan chủ trì, trực tiếp quản lý, khai thác và vận hành Hệ thống thông tin báo cáo; đồng thời theo dõi, giám sát tình hình thực hiện chế độ báo cáo của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và đơn vị trực thuộc: Sử dụng hệ thống để lập, gửi và tổng hợp báo cáo thuộc lĩnh vực được giao quản lý; bảo đảm số liệu chính xác, kịp thời, phục vụ công tác tham mưu, điều hành và phối hợp liên ngành.

- UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh: Thực hiện chế độ báo cáo theo thẩm quyền; truyền tải dữ liệu, số liệu thực tế từ cơ sở lên cấp tỉnh một cách nhanh chóng, chính xác; góp phần hình thành hệ thống thông tin báo cáo liên thông hai cấp (tỉnh, xã).

- Đối tượng thụ hưởng: Lãnh đạo UBND tỉnh, lãnh đạo các sở, ngành, địa phương được cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để ra quyết định điều hành; đồng thời, hệ thống gián tiếp phục vụ người dân và doanh nghiệp thông qua việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện chất lượng phục vụ.

4. Yêu cầu về kỹ thuật

4.1. Kiến trúc và nền tảng công nghệ

- Triển khai trên nền tảng VSR, tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử và chính quyền điện tử tỉnh.

- Sử dụng hạ tầng điện toán đám mây của **Cloud** đặt tại trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn Tier 3, chứng chỉ ISO 27001, đảm bảo an toàn, sẵn sàng cao (HA/DR).

- Bảo đảm đường truyền đa dạng (internet, quân sự, vệ tinh), có khả năng kết nối kể cả vùng bị cô lập; hỗ trợ thiết bị bay không người lái để cập nhật hình ảnh, video từ hiện trường

- Trực quan hóa: hiển thị báo cáo trên dashboard, bản đồ số, biểu đồ, infographic; phục vụ họp, chỉ đạo điều hành trực tuyến.

4.2. Tích hợp và kết nối dữ liệu

- Liên thông với Hệ thống quản lý văn bản, điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

- Hỗ trợ API kết nối dữ liệu với các phần mềm quản lý chuyên ngành (y tế, giáo dục, tài chính, KT-XH,...).

- Xây dựng bộ chỉ số chỉ đạo điều hành cấp tỉnh cần được cấu trúc theo các lĩnh vực quản lý trọng yếu, cho phép xem xét vấn đề theo cả chiều dọc (*theo ngành*) và chiều ngang (*theo địa bàn*), như:

- (i) Tổng quan Kinh tế - Xã hội: Các chỉ số KPI quan trọng nhất của tỉnh.

- (ii) Tài chính - Ngân sách: Theo dõi sức khỏe tài chính của tỉnh.

- (iii) Đầu tư – Xây dựng: Tập trung vào động lực đầu tư công, FDI và tư nhân.
- (iv) Kinh tế ngành: Các chỉ số quan trọng trong lĩnh vực nông lâm thủy sản, công nghiệp và xây dựng và dịch vụ của tỉnh.
- (v) Doanh nghiệp và Sản xuất kinh doanh: Theo dõi sức khỏe khu vực kinh tế.
- (vi) Văn hóa – Xã hội: Các vấn đề an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, lao động, việc làm, y tế, giáo dục, khoa học và công nghệ, chuyển đổi số.
- (vii) Tài nguyên & Môi trường: Các vấn đề về đất đai, tài nguyên, khoáng sản, môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.
- (viii) Cải cách hành chính & Nội vụ: Đo lường hiệu quả của bộ máy công quyền, tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, các chỉ số đo lường năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (*PCI, PAPI, PAR Index...*).
- (ix) An ninh - Trật tự: Giám sát tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội.
- (x) Mục tiêu dài hạn: Giám sát, đánh giá thực hiện các mục tiêu dài hạn tại các Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND (*như chỉ tiêu chủ yếu phát triển KTXH hằng năm, 5 năm, quy hoạch tỉnh, các chương trình, dự án của Trung ương trên địa bàn tỉnh...*). Lưu ý việc xây dựng **02** nhóm chỉ số chính và nhóm chỉ số dẫn xuất để hỗ trợ tốt hơn trong chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh.
- (xi) Mục tiêu đặc thù: Giám sát, đánh giá các mục tiêu đặc thù, các đề án, dự án, chương trình dài hạn trên địa bàn tỉnh (*như kinh tế biển, đô thị thông minh, chuyển đổi số...*).
- (xii) Nhiệm vụ khẩn cấp, cấp bách: Chỉ huy ứng phó trong phòng, chống thiên tai, ứng phó sự cố, tìm kiếm cứu nạn, dịch bệnh, kích hoạt cơ chế chỉ huy tập trung, huy động và điều phối nguồn lực "**4 tại chỗ**" một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất.

4.3. An toàn, bảo mật

- Tuân thủ tiêu chuẩn ISO/IEC 27001, tiêu chuẩn an toàn thông tin của Bộ TT&TT.
- Tuân thủ Luật An toàn thông tin mạng và tiêu chuẩn an toàn của Bộ Công an.
- Bảo đảm phân quyền người dùng, xác thực đa lớp, lưu trữ log đầy đủ.
- Giám sát qua Trung tâm Giám sát An ninh mạng tỉnh Lai.
- Áp dụng các giải pháp an ninh mạng của (giám sát SOC 24/7, phòng chống tấn công DDoS, bảo mật ứng dụng Web – WAF).
- Cơ chế phân quyền người dùng theo vai trò (RBAC), lưu vết nhật ký (log) đầy đủ, hỗ trợ kiểm toán.

4.4. Khả năng mở rộng và bảo trì

- Đáp ứng nhu cầu báo cáo từ hơn ... cơ quan, trung bình ... báo cáo/tháng.
- Khả năng mở rộng, thêm biểu mẫu báo cáo mới mà không cần lập trình lại.

- Xem kết cung cấp dịch vụ **SLA $\geq 99,9\%$** , đội ngũ kỹ thuật thường trú tại địa phương và trung tâm hỗ trợ 24/7.

5. Nguồn vốn

Ngân sách nhà nước đảm bảo chi

6. Thời gian thực hiện: Năm 2026-2030.

7. Địa điểm thực hiện: Tỉnh Lai Châu

II. Yêu cầu về báo giá

Báo giá thể hiện chi tiết theo đơn vị tính: Trang A4.

Báo giá đã bao gồm các chi phí khác (nếu có).